TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09/7/2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị D với anh C"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Tư Duy
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trần Anh Dũng;
Ông Nguyễn Quốc Sửu.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Dương Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên toà*: Ông Nguyễn Tiến Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày30/5/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18/6/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ánh D, sinh năm 1996, (có mặt);
Quê quán: thôn T, xã A, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.
Nơi thường trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.
- Bị đơn: anh Trần Thành C, sinh năm 1995, (vắng mặt);
Nơi thường trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơnkhởi kiện đề ngày 30/01/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Ánh D trình bày:

Chị và anh Trần Thành C kết hôn ngày 25/3/2022, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn, chị và anh C có thời gian tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, chị về làm dâu tại gia đình anh C ngay, vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 9/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C không tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ con, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã và vợ chồng đã ly thân từ tháng 9/2023

đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị xin ly hôn với anh C.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Trần Lê Đan M, sinh ngày 30/6/2023, hiện chị đang nuôi con. Nay chị nhận nuôi con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị D có mặt và giữ nguyên yêu cầu trên.

* Đối với anh Trần Thành C là bị đơn trong vụ án, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, làm việc của Tòa án, nhưng anh C đều vắng mặt và không trình bày ý kiến để bảo vệ quyền lợi của mình.

Tại phiên tòa, anh C vắng mặt.

* Tham gia phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán: thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử (HĐXX) đảm bảo về thành phần, nguyên tắc xét xử; Thư ký chấp hành đúng quyền hạn, trách nhiệm theo quy định; Nguyên đơn có ý thức chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị D, xử:

Cho chị Lê Thị Ánh D được ly hôn với anh Trần Thành C.

Về con chung: Giao cho chị D nuôi con chung là Trần Lê Đan V, sinh ngày 30/6/2023. Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến đề nghị của đương sự, Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp và sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Chị D xin ly hôn với anh C và tranh chấp về nuôi con, anh C có nơi thường trú tại tổ dân phố Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn là anh Trần Thành C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Ánh D kết hôn cùng anh Trần Thành C ngày 25/3/2022, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay. Đến tháng 9/2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, khi xảy ra mâu thuẫn thì đã được gia đình hòa giải, khuyên bảo nhưng không thành. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 9/2023 cho đến nay. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị xin ly hôn với anh C. Qua xác minh với mẹ anh C và đoàn thể nơi anh C cư trú đều xác nhận vợ chồng chị D, anh C có xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 9/2023 cho đến nay. Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D với anh C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình để cho chị D được ly hôn với anh C.

[3] Về con chung: Chị D và anh C có 01 con chung là Trần Lê Đan V1, sinh ngày 30/6/2023, hiện chị D đang nuôi con. Nay chị Dương n nuôi con. Chị D xác định chị đang làm việc tại Bệnh viện A, có thu nhập hàng tháng từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, thời gian làm việc từ 7 giờ đến 18 giờ hàng ngày và chị đang ở cùng bố mẹ, nên có đủ điều kiện để nuôi con. Hội đồng xét xử thấy, kể từ thời điểm ly hôn đến nay, chị D là người trực tiếp nuôi con, khi chị D nuôi con thì cháu phát triển tốt. Đối với anh C, hiện anh C đang đi làm ăn xa, ít khi về nhà nên không thể trông nom, chăm sóc tốt về mọi mặt cho con. Như vậy, điều kiện nuôi con của chị D tốt hơn anh C. Mặt khác, con chung của chị D, anh C hiện dưới 36 tháng tuổi. Để đảm bảo quyền lợi cho con và tránh làm xáo trộn cuộc sống của con chung khi ly hôn, cần giao cho chị D nuôi con là phù hợp với Điều 81 Luật Hônvà Giađình.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Ánh D được ly hôn với anh Trần Thành C.

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị Ánh D nuôi con Trần Lê Đan V1, sinh ngày 30/6/2023. Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Ánh D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị D đã nộp theo biên lai thu số 0006708 ngày 19/02/2024 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Yên;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- UBND thị trấn C;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Tư Duy